TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83**/2020/DS-PT
Ngày: 28-5-2020
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hụi"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa:

+ *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Diệu H, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ 5, ấp 5, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

+ *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Nơi cư trú cuối cùng: Số 667 đường ĐT 741, khu phố L, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Đã có Quyết định tuyên bố vắng mặt tại nơi cư trú)

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Trọng C, sinh năm 1959; Trú tại: Tổ 5, ấp 5, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Ông Dương Trọng C ủy quyền cho bà Võ Thị Diệu H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2019). (Vắng mặt)

+ *Người làm chứng:*

- Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1974; Trú tại: Khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bà Nguyễn Phước T2, sinh năm 1976; Trú tại: Số nhà 11, tổ 3, ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bà Lê Thị Ngọc T3, sinh năm 1974; Trú tại: Hẽm 539, tổ 11, khu phố A, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Ông Đoàn A, sinh năm 1976; Trú tại: Khu phố A, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Đề nghị giải quyết vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên bà Võ Thị Diệu H có cho bà Nguyễn Thị T tham gia 01 phần hụi trong số 12 phần hụi do bà H là chủ hụi; mỗi phần hụi chơi với số tiền 10.000.000 đồng; dây hụi gồm 06 người tham gia gồm bà Võ Thị Diệu H (chủ hụi), bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị P, bà Nguyễn Phước T2, bà Lê Thị Ngọc T3 và ông Đoàn A, mỗi người 02 phần hụi. Mọi người bắt đầu chơi hụi từ ngày 20/11/2016 (âm lịch), đến ngày 22/01/2017 thì bà T lĩnh tiền hụi. Sau khi lĩnh tiền hụi thì thời gian bà T tiếp tục phải đóng tiền hụi là 10 tháng. Tuy nhiên, bà T không thực hiện việc đóng tiền hụi cho bà H. Để đảm bảo dây hụi tiếp tục, bà H phải nộp tiền hụi thay cho bà T trong thời gian 10 tháng còn lại với số tiền 100.000.000 đồng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại cho bà H số tiền 100.000.000 đồng tiền hụi mà bà H đã nộp thay cho bà T và lãi suất từ ngày 25/12/2016 đến ngày 25/02/2017 tạm tính là 10.800.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T: Quá trình giải quyết vụ án do bà T vắng mặt khỏi địa phương không rõ thông tin, địa chỉ, nên nguyên đơn bà H đã yêu cầu Tòa án thực hiện việc Thông báo người tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà T theo Quyết định số 04/2019/QĐST-VDS ngày 14/5/2019 để làm cơ sở giải quyết vụ án. Đến nay, bà T vẫn vắng mặt tại nơi cư trú.

Người làm chứng gồm: Bà Huỳnh Thị P, bà Nguyễn Phước T2, bà Lê Thị Ngọc T3 và ông Đoàn A trình bày: Những người làm chứng xác nhận có tham gia chơi hụi trong dây hụi mở ngày 20/11/2016 (âm lịch) do bà H làm chủ hụi, những người làm chứng đều đã lãnh tiền hụi đầy đủ. Đồng thời, những người làm chứng xác nhận bà T có tham gia chơi 01 phần hụi trong dây hụi do bà H làm chủ, nhưng không biết bà T lãnh tiền hụi được bao nhiêu tiền và có tiếp tục nộp tiền hụi, hay thiếu nợ tiền hụi của bà H hay không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước quyết định: *Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị Diệu H yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng mà bà H đã đứng ra đóng thay số tiền hụi còn thiếu của bà Nguyễn Thị T và lãi suất từ ngày 25/12/2016 đến ngày 25/12/2017 là 10.800.000 đồng. Tổng cộng là 110.800.000 đồng.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/12/2019, nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H (đồng thời là người kháng cáo) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 của BLTTDS, nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà H nhận thấy: Vào ngày 20/11/2016 (âm lịch), bà Võ Thị Diệu H mở dây hụi 12 phần, mỗi phần hụi là 10.000.000 đồng, có 6 người tham gia gồm: bà H (chủ hụi), bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Ngọc T3, bà Nguyễn Phước T2, bà Huỳnh Thị P và ông Đoàn A (tên thường gọi là T4); thời gian chơi hụi là 12 tháng. Trong đó, bà H tham gia 01 phần hụi ấp thảo và 02 phần hụi khác, bà T tham gia 01 phần hụi, còn lại bà T3, bà T2, bà P và ông A mỗi người tham gia 02 phần hụi. Nội dung này phù hợp với Sổ hụi do bà H là chủ hụi ghi chép (BL87), cũng như phù hợp với sự xác nhận của những người làm chứng là những thành viên chơi hụi (BL22-27; 30-31; Biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020). Như vậy, có căn cứ xác định dây hụi này là có thật như nội dung bà H trình bày, đồng thời xác định bà T là thành viên chơi hụi và có tham gia 01 phần hụi.

Theo lời trình bày của bà H và những người làm chứng có cơ sở xác định loại hình của dây hụi này là hụi đầu thảo (là loại hình hụi có lãi) do bà H làm chủ hụi ấp thảo (nghĩa là bà H lĩnh hụi trong kỳ mở hụi đầu tiên và không phải trả lãi cho các thành viên). Khi đến kỳ mở hụi (trừ kỳ mở hụi đầu tiên), thành viên nào bỏ lãi cao hơn sẽ được lĩnh hụi. Trong quá trình chơi hụi, bà T là người lĩnh hụi vào kỳ mở hụi ngày 25/12/2016 (âm lịch). Theo bà H xác nhận bà T lĩnh hụi với số tiền 74.500.000 đồng, được chứng minh bởi giấy nhận tiền hụi (BL04). Mặc dù con số ghi chép trong giấy nhận tiền hụi này thể hiện là "74.500.0" là chưa rõ ràng, nhưng theo người làm chứng xác nhận đây là số tiền 74.500.000 đồng như bà H trình bày, phù hợp với số tiền lĩnh hụi mà những người chơi được lĩnh trong mỗi kỳ mở hụi (tùy theo số tiền lãi mà người tham gia bỏ cao hay thấp trong từng kỳ mở hụi) (Biên bản lấy lời khai bà T3, bà T2 ngày 13/5/2020). Đồng thời, tại Kết luận giám định số 21/2020/GĐ-TL ngày 28/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước cũng xác định chữ ký và chữ viết "Nguyễn Thị T" trong giấy nhận tiền hụi ngày 25/12/2016

(âm lịch) là do bà T ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định bà T đã được lĩnh hụi vào kỳ mở hụi ngày 25/12/2016 (âm lịch) với số tiền 74.500.000 đồng.

[3] Sau khi bà T lĩnh hụi vào kỳ mở hụi ngày 25/12/2016 (âm lịch), bà T do làm ăn thua lỗ nên không tiếp tục góp hụi ở các kỳ tiếp theo (từ ngày 20/02/2017 (âm lịch) đến 20/10/2017 (âm lịch). Mặc dù Sổ hụi không được bà T ký xác nhận, nhưng nội dung này được bà H và các thành viên chơi hụi xác nhận, phù hợp với thực tế là Sổ hụi chỉ do bà H là chủ hụi ghi chép mà không có chữ ký xác nhận nào khác của những thành viên còn lại tham gia chơi hụi. Do đó, bà T đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên chơi hụi theo quy định tại Điều 17 và Điều 20 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường (sau đây viết tắt là Nghị định số 144).

Do bà T vi phạm nghĩa vụ của thành viên chơi hụi khi không tiếp tục góp phần hụi sau khi lĩnh hụi, nên bà H với vai trò là chủ hụi phải góp thay phần hụi của bà T trong thời gian 10 kỳ hụi tiếp theo để cho những thành viên còn lại lĩnh hụi. Việc bà H góp thay phần hụi cho bà T được các thành viên chơi hụi xác nhận là có thật, phù hợp với nghĩa vụ của chủ hụi đầu thảo theo quy định tại các Điều 15 và Điều 22 của Nghị định số 144.

Cho đến nay, do bà T vẫn chưa hoàn trả cho bà H số tiền góp hụi, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T phải hoàn trả cho bà H số tiền hụi đã nộp thay của 10 kỳ hụi và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 23 và Điều 30 của Nghị định số 144. Tuy nhiên, tại kỳ mở hụi lần đầu tiên (kỳ hụi ấp thảo) bà T đã góp 01 phần hụi 10.000.000 đồng. Ở kỳ mở hụi tiếp theo vào ngày 25/12/2106 (âm lịch), bà T đã phải bỏ lãi tương ứng số tiền 35.500.000 đồng để được lĩnh hụi với số tiền 74.500.000 đồng [110.000.000 đồng (tương ứng với 11 kỳ hụi) - 35.500.000 đồng (tiền lãi) = 74.500.000 đồng]. Vì vậy, số tiền góp hụi ở 10 kỳ hụi tiếp theo bà T chỉ phải nộp 74.500.000 đồng - 10.000.000 đồng = 64.500.000 đồng. Do bà T không góp số tiền hụi này, mà do bà H là chủ hụi phải góp thay cho bà T, nên cần thiết phải buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H số tiền này và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Lãi suất cơ bản tại thời điểm góp hụi (tức năm 2017) là 9%/năm.

Tiền lãi: 64.500.000đ x 10 tháng x (9%/năm/12 tháng) = 4.837.500 đồng.

Tổng cộng: 64.500.000 đồng + 4.837.500 đồng = 69.337.500 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định dây hụi nêu trên là có thật, nhưng không trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà T trong giấy lĩnh hụi ngày 25/12/2016 (âm lịch); không thu thập chứng cứ làm rõ loại hình, cách thức góp phần hụi, quyền, nghĩa vụ của chủ hụi và thành viên chơi hụi, số tiền lĩnh hụi của từng thành viên và nghĩa vụ góp phần hụi trong các kỳ mở hụi tiếp theo, v.v.. để xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, toàn diện, khách quan. Trong khi đó, cấp sơ thẩm lại cho rằng Sổ hụi không được bà T và những thành viên chơi hụi ký xác nhận; số tiền bà T lĩnh hụi do bà H ghi trong giấy lĩnh hụi ngày 25/12/2016 (âm lịch) không cụ thể số tiền là bao nhiêu; bà H không chứng minh được đã góp thay bà T phần hụi trong 10 kỳ hụi với số tiền 100.000.000 đồng

cũng như không thông báo cho các thành viên chơi hụi biết việc góp thay phần hụi; giấy khui hụi 10T giữa bà H là chủ hụi và những thành viên chơi hụi còn lại được lĩnh hụi là có mâu thuẫn về thời gian, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H là có thiếu sót. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà H, sửa Bản án sơ thẩm như nhận định tại mục [3] nêu trên.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

- Bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là: 69.337.500 đồng x 5% = 3.466.875 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng);

- Nguyên đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: 41.462.500 đồng x 5% = 2.073.125 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi ba ngàn một trăm hai mươi lăm đồng).

[6] Án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn bà H được chấp nhận một phần, nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

- Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bà T phải thanh toán lại cho bà H chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ một phần, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các điều 476 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 4, 7, 8, 10, 15, 19, 20, 23 và 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Diệu H.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị Diệu H số tiền mà bà H đã góp hụi thay cho bà T từ ngày 20/02/2017 (âm lịch) đến ngày 20/10/2017 (âm lịch) và tiền lãi tổng cộng là 69.337.500 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.466.875 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng);

- Nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.073.125 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi ba ngàn một trăm hai mươi lăm đồng), được khấu trừ vào số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010665 quyển số 0214 ngày 05/01/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà Võ Thị Diệu H số tiền còn dư là 626.875 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Diệu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011315 quyển số 0227 ngày 18/12/2019.

- Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Võ Thị Diệu H chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết với số tiền là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh